

Số: 2201/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 23 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Thiết kế kỹ thuật và dự toán công trình “Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với diện tích đất nông nghiệp bị biến động do thực hiện dồn điền đổi thửa các xã, thị trấn thuộc huyện: Hưng Hà, Đông Hưng, Thái Thụy”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT ngày 04/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 15/01/2019: Quyết định số 182/QĐ-UBND về việc ban hành Bộ đơn giá đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Quyết định số 183/QĐ-UBND về việc ban hành Bộ đơn giá xây dựng Cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 3046/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật và dự toán công trình “Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với diện tích đất nông nghiệp bị biến động do thực hiện dồn điền đổi thửa các xã, thị trấn thuộc huyện: Hưng Hà, Đông Hưng, Thái Thụy”;

Căn cứ Quyết định số 299/QĐ-STNMT ngày 23/8/2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường về việc điều chỉnh đơn giá tiền công lao động;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 539/TTr-STC ngày 16/12/2024, của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 521/TTr-STNMT ngày 29/11/2024 và số 543/TTr-STNMT ngày 17/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Thiết kế kỹ thuật và dự toán công trình “Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với diện tích đất nông nghiệp bị biến động do thực hiện dồn điền đổi thửa các xã, thị trấn thuộc huyện: Hưng Hà, Đông Hưng, Thái Thụy” với nội dung sau:

1. Khối lượng thực hiện

1.1. Đo đạc lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2.000.

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	TKKT-DT được duyệt		TKKT-DT điều chỉnh		Chênh lệch/Tăng (+), giảm (-)
			Khó khăn	Khối lượng	Khó khăn	Khối lượng	
I	ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH			37.201,76		31.429,10	-5.772,66
1	Tỷ lệ 1/2000	ha					
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	ha					
		ha	1	21.062,89	1	8.941,67	-12.121,22
		ha	2	7.904,29	2	12.189,33	4.285,04
		ha	3	2.032,91	3	5.141,37	3.108,46
1.2	Đất giao thông, thủy hệ	ha					
		ha	1	4.371,77	1	4.882,34	510,56
		ha	2	1.510,34	2	274,40	-1.235,94
		ha	3	319,56	3	-	-319,56

1.2. Đăng ký đất đai.

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	TKKT-DT được duyệt		TKKT-DT điều chỉnh		Chênh lệch/Tăng (+), giảm (-)
			Khó khăn	Khối lượng	Khó khăn	Khối lượng	
I	Kê khai đăng ký đất đai						
1	Kê khai đăng ký đất đai lần đầu (Hộ gia đình cá nhân)	Hồ sơ					
1.1	Kê khai đăng ký đất đai lần đầu	Hồ sơ		186.169		123.489	-62.680
1.2	Số thửa đất nông nghiệp tăng thêm	thửa		296.147		226.391	-69.756
2	Kê khai đăng ký biến động đất đai (Hộ gia đình cá nhân)	Hồ sơ					
2.1	Kê khai đăng ký biến động đất đai	Hồ sơ		0		47.390	47.390
2.2	Số thửa đất nông nghiệp tăng thêm	thửa		0		70.623	70.623

1.3. Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	TKKT-DT được duyệt		TKKT-DT điều chỉnh		Chênh lệch/Tăng (+), giảm (-)
			Khó khăn	Khối lượng	Khó khăn	Khối lượng	
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	Thửa		524.475		505.219	-19.256

2. Kinh phí thực hiện: 92.868.544.000 đồng (Chín mươi hai tỷ, tám trăm sáu mươi tám triệu năm trăm bốn mươi tư nghìn đồng); giảm -5.260.533.000 đồng so với dự toán được duyệt.

Nguồn kinh phí: Giữ nguyên theo Quyết định số 3046/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước cơ quan thanh tra, kiểm toán và Ủy ban nhân dân tỉnh về các nội dung tham mưu điều chỉnh thiết kế kỹ thuật, khối lượng, mức khó khăn của các hạng mục công việc có thay đổi và phát sinh; Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước cơ quan thanh tra, kiểm toán và Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tham mưu điều chỉnh dự toán công trình.

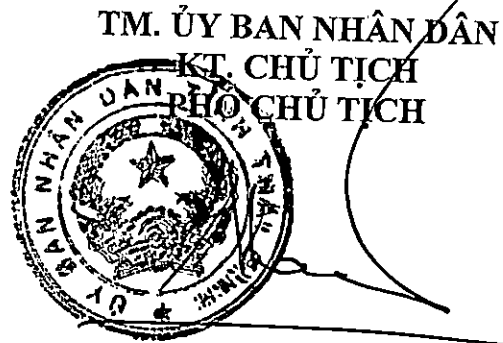
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đông Hưng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hưng Hà, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT.

lưu



Lại Văn Hoàn

